

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPARM**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 30





**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Quốc Định	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà Trần Thị Đào	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Võ Hữu Tuấn	Thành viên
Ông Huỳnh Văn Nhung	Thành viên
Ông Nguyễn Quý Sơn	Thành viên
Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên
Ông Ngô Minh Tuấn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2015)
Ông Trương Viết Vũ	Thành viên (bổ nhiệm ngày 30 tháng 4 năm 2015)
Ông Phan Hoàng Minh Trí	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2015)
Bà Nguyễn Kiêm Phương	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2015)

**Ban Tổng Giám đốc**

Bà Trần Thị Đào	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Định	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Văn Nhung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2015)
Ông Trần Hoài Hạnh	Kế toán trưởng

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Quốc Định  
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2016



Số: 453 /VNIA-HC-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2016 từ trang 3 đến trang 30, bao gồm thực hiện Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.


Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



  
Võ Thái Hòa  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0138-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho  
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam  
Ngày 28 tháng 3 năm 2016  
Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



Bùi Quốc Anh  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 2133-2013-001-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>744.701.467.114</b>	<b>719.282.481.026</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>87.841.659.460</b>	<b>178.550.050.326</b>
1. Tiền	111		42.841.659.460	50.050.050.326
2. Các khoản tương đương tiền	112		45.000.000.000	128.500.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>103.568.325.260</b>	<b>3.283.181.020</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6	6.619.485.680	6.600.735.680
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6	(3.051.160.420)	(3.317.554.660)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7	100.000.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>302.541.396.650</b>	<b>238.140.772.325</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	228.893.207.143	207.324.365.361
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	54.729.704.653	20.426.902.833
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	33.626.931.181	18.581.499.844
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(14.708.446.327)	(8.191.995.713)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>12</b>	<b>245.718.867.225</b>	<b>294.566.944.991</b>
1. Hàng tồn kho	141		246.410.602.948	295.598.899.143
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(691.735.723)	(1.031.954.152)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.031.218.519</b>	<b>4.741.532.364</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	519.468.122	1.887.284.251
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.707.500.798	2.761.662.333
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	804.249.599	92.585.780
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>348.013.281.318</b>	<b>310.256.152.226</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>76.244.740</b>	<b>220.298.740</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		76.244.740	220.298.740
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>263.381.208.167</b>	<b>241.613.868.907</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	192.041.437.356	172.621.789.202
- Nguyên giá	222		443.128.772.252	387.020.599.372
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(251.087.334.896)	(214.398.810.170)
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	71.339.770.811	68.992.079.705
- Nguyên giá	228		87.127.046.094	80.209.606.136
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(15.787.275.283)	(11.217.526.431)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>15.229.088.635</b>	<b>4.422.540.908</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	17	15.229.088.635	4.422.540.908
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>48.601.654.700</b>	<b>46.228.154.700</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	18	39.956.986.700	37.610.486.700
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	19	8.826.668.000	8.799.668.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	18	(182.000.000)	(182.000.000)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>20.725.085.076</b>	<b>17.771.288.971</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	20.725.085.076	17.771.288.971
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.092.714.748.432</b>	<b>1.029.538.633.252</b>


Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 30 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính




**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015


**MẪU SỐ B 01-DN**  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>185.883.740.216</b>	<b>232.902.181.007</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>156.439.039.640</b>	<b>200.327.394.051</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	56.005.703.228	112.795.081.350
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.982.940.561	760.122.040
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	13.002.004.785	8.823.501.596
4. Phải trả người lao động	314		21.957.790.453	29.206.785.697
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	41.823.288.570	46.055.241.368
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	22	12.053.818.688	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	23	1.747.203.710	923.144.647
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.866.289.645	1.763.517.353
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>29.444.700.576</b>	<b>32.574.786.956</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337		127.000.000	5.077.000.000
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	24	29.317.700.576	27.497.786.956
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>906.831.008.216</b>	<b>796.636.452.245</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>25</b>	<b>906.831.008.216</b>	<b>796.636.452.245</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		289.426.460.000	263.114.860.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		289.426.460.000	263.114.860.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		297.733.719.049	238.957.833.609
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		2.420.789.142	2.420.789.142
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		232.200.344.467	211.913.764.388
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		85.049.695.558	80.229.205.106
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		140.179.117	80.229.205.106
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		84.909.516.441	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440=300+400)	<b>440</b>		<b>1.092.714.748.432</b>	<b>1.029.538.633.252</b>

  
Dương Hoàng Vũ  
Người lập biểu

  
Trần Hoài Hạnh  
Kế toán trưởng



  
Nguyễn Quốc Định  
Phó Tổng Giám đốc  
Ngày 28 tháng 3 năm 2016

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU SỐ B 02-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	1.012.732.462.485	907.338.298.242
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	48.413.617.969	10.202.577.089
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		964.318.844.516	897.135.721.153
4. Giá vốn hàng bán	11	29	581.059.144.497	478.268.587.502
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		383.259.700.019	418.867.133.651
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	17.837.370.543	9.560.926.831
7. Chi phí tài chính	22	32	15.230.727.129	8.257.073.479
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		605.820.692	-
8. Chi phí bán hàng	25	33	193.149.502.750	244.363.050.548
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	72.788.824.688	64.640.040.183
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		119.928.015.995	111.167.896.272
11. Thu nhập khác	31	34	932.830.347	808.720.874
12. Chi phí khác	32	35	2.182.318.730	1.694.643.055
13. Lỗ khác (40=31-32)	40		(1.249.488.383)	(885.922.181)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		118.678.527.612	110.281.974.091
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	36	25.769.011.171	24.503.296.985
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		92.909.516.441	85.778.677.106
<b>17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>37</b>	<b>2.729</b>	<b>2.909</b>



  
Dương Hoàng Vũ  
Người lập biểu

  
Trần Hoài Hạnh  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Quốc Định  
Phó Tổng Giám đốc  
Ngày 28 tháng 3 năm 2016




**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015


**MẪU SỐ B 03a-DN**  
 Đơn vị: VND

	Mã số	2015	2014
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	118.678.527.612	110.281.974.091
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	38.402.557.093	37.443.719.332
Các khoản dự phòng	03	5.909.837.945	(6.968.392.582)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	04	(255.283.736)	(140.915.117)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(13.966.939.106)	(7.988.716.758)
Chi phí lãi vay	06	605.820.692	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	149.374.520.500	132.627.668.966
Thay đổi các khoản phải thu	09	(67.603.937.266)	(58.440.088.735)
Thay đổi hàng tồn kho	10	49.188.296.195	(95.578.255.416)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(36.890.804.770)	88.417.259.151
Thay đổi chi phí trả trước	12	(8.856.776.311)	(1.064.622.992)
Thay đổi chứng khoán kinh doanh	13	(18.750.000)	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(605.820.692)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(26.090.729.363)	(32.402.689.230)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	35.167.500
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(13.696.525.838)	(17.990.253.944)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>44.799.472.455</b>	<b>15.604.185.300</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	21	(75.389.386.749)	(31.445.790.321)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	584.545.454	224.660.000
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(100.000.000.000)	-
4. Tiền chi đầu tư dài hạn	25	(2.373.500.000)	(12.026.480.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	50.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8.679.738.858	6.836.401.202
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(168.498.602.437)</b>	<b>(36.361.209.119)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	85.087.485.440	31.660.800.000
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(52.096.762.800)	(24.608.187.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>32.990.722.640</b>	<b>7.052.613.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(90.708.407.342)</b>	<b>(13.704.410.819)</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	178.550.050.326	192.255.383.511
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	16.476	(922.366)
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>87.841.659.460</b>	<b>178.550.050.326</b>

  
 Dương Hoàng Vũ  
 Người lập biểu

  
 Trần Hoài Hạnh  
 Kế toán trưởng



  
 Nguyễn Quốc Định  
 Phó Tổng Giám đốc  
 Ngày 28 tháng 3 năm 2016



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm (gọi tắt là “Công ty”), tiền thân là Xí nghiệp Liên hiệp Dược Đồng Tháp được thành lập theo Quyết định số 284/TCCQ ngày 28 tháng 9 năm 1983 của Sở Y tế Đồng Tháp, được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400384433 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 8 năm 2001 và các đăng ký thay đổi sau đó với lần đăng ký thay đổi gần nhất (lần thứ 23) vào ngày 12 tháng 01 năm 2015 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 76/UBCK-GPNY vào ngày 04 tháng 12 năm 2006 với mã chứng khoán là IMP.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.012 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 962 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất dược phẩm, chế biến dược liệu; bán buôn, xuất nhập khẩu dược phẩm, thiết bị và dụng cụ y tế, hóa chất, nguyên phụ liệu bao bì sản xuất thuốc, các chất diệt khuẩn, khử trùng cho người (trừ danh mục hàng hóa quy định tại Mục A Phần II Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-BTM ngày 21 tháng 5 năm 2007 của Bộ Thương Mại); bán buôn mỹ phẩm; nuôi trồng dược liệu; bán buôn thực phẩm, thực phẩm chức năng, các loại nước uống, nước uống có cồn, có gas; sản xuất sữa; hoạt động tài chính; sản xuất thực phẩm chức năng, thực phẩm dinh dưỡng; cung cấp các dịch vụ hệ thống kho bảo quản các loại thuốc, nguyên liệu làm thuốc; bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại nhằm mục đích để phù hợp với việc so sánh do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI****Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả ngắn hạn.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Các khoản đầu tư tài chính****Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn và là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi có kỳ hạn ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào liên kết theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<b>Số năm</b>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	6 - 15
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 8

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất, bản quyền và các loại phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không có thời hạn không trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Bản quyền và phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng hoặc sản xuất phục vụ mục đích kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí có liên quan được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, cài tạo các chi nhánh, chi phí nội thất văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Chi phí cài tạo các chi nhánh, chi phí nội thất văn phòng và các chi phí khác được phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

**Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Doanh thu từ chương trình dành cho khách hàng truyền thống được ghi nhận là tổng số tiền phải thu hoặc đã thu trừ đi giá trị hợp lý của hàng hóa, dịch vụ phải cung cấp miễn phí hoặc số phải chiết khấu, giảm giá cho người mua. Giá trị của hàng hóa, dịch vụ phải cung cấp miễn phí hoặc số phải chiết khấu, giảm giá cho người mua được ghi nhận là doanh thu chưa thực hiện. Nếu hết thời hạn của chương trình mà người mua không đạt đủ điều kiện theo quy định và không được hưởng hàng hóa dịch vụ miễn phí hoặc chiết khấu giảm giá, khoản doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ.

Khi người mua đạt được các điều kiện theo quy định của chương trình, trường hợp người bán trực tiếp cung cấp hàng hóa, dịch vụ miễn phí hoặc chiết khấu, giảm giá cho người mua: Khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với giá trị hợp lý của số hàng hóa, dịch vụ cung cấp miễn phí hoặc số phải giảm giá, chiết khấu cho người mua được ghi nhận là doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ khi người mua đã nhận được hàng hóa, dịch vụ miễn phí hoặc được chiết khấu giảm giá theo quy định của chương trình.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Khi người mua đạt được các điều kiện theo quy định của chương trình, trường hợp bên thứ ba có nghĩa vụ cung cấp hàng hóa, dịch vụ miễn phí hoặc chiết khấu, giảm giá cho người mua: Nếu hợp đồng giữa người bán và bên thứ ba đó không mang tính chất hợp đồng đại lý, khi bên thứ ba thực hiện việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ, chiết khấu giảm giá, khoản doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển sang doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ. Nếu hợp đồng mang tính đại lý, chỉ phần chênh lệch giữa khoản doanh thu chưa thực hiện và số tiền phải trả cho bên thứ ba mới được ghi nhận là doanh thu. Số tiền thanh toán cho bên thứ ba được coi như việc thanh toán khoản nợ phải trả.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty. Quỹ được hình thành trên cơ sở trích lập tối đa 10% từ thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và được ghi nhận vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.





**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM**Số 4, Đường 30/4, Thành phố Cao Lãnh  
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tiền mặt	1.584.162.663	697.684.120
Tiền gửi ngân hàng	41.257.496.797	49.352.366.206
Các khoản tương đương tiền	45.000.000.000	128.500.000.000
	<b>87.841.659.460</b>	<b>178.550.050.326</b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi với kỳ hạn dưới 3 tháng tại các ngân hàng bằng Đồng Việt Nam với lãi suất từ 4,7% đến 4,8%/năm (Năm 2014: từ 4,9% đến 5,7%/năm).

**6. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH**

	31/12/2015			31/12/2014		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Mekophar	5.589.637.900	2.850.600.000	2.739.037.900	5.589.637.900	2.587.955.760	3.001.682.140
Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết	239.465.000	-	239.465.000	239.465.000	-	239.465.000
Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	239.510.000	239.510.000	-	239.510.000	239.510.000	-
Công ty Cổ phần XNK Y Tế Domesco	383.907.520	311.250.000	72.657.520	383.907.520	307.500.000	76.407.520
Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC	166.965.260	166.965.260	-	148.215.260	148.215.260	-
	<b>6.619.485.680</b>	<b>3.568.325.260</b>	<b>3.051.160.420</b>	<b>6.600.735.680</b>	<b>3.283.181.020</b>	<b>3.317.554.660</b>

**7. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng nhưng dưới 12 tháng tại các ngân hàng bằng Đồng Việt Nam với lãi suất từ 6% đến 7%/năm.

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
<i>Công ty TNHH Dược Phẩm Việt Thống</i>	36.946.528.002	-
<i>Các khoản phải thu khách hàng khác</i>	179.156.905.171	184.748.110.305
	<b>216.103.433.173</b>	<b>184.748.110.305</b>
b. Phải thu khách hàng các bên liên quan		
<i>Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm</i>	10.905.006.141	21.488.191.822
<i>Công ty Cổ phần Dược S.Pharm</i>	1.884.767.829	1.071.068.211
<i>Công ty TNHH Dược Phẩm Gia Đại</i>	-	16.995.023
	<b>12.789.773.970</b>	<b>22.576.255.056</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM**

Số 4, Đường 30/4, Thành phố Cao Lãnh

Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**9. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây lắp thủy lợi Đồng Tháp	17.100.000.000	-
Trenwell LLC	9.220.750.000	5.189.500.000
Cty TNHH Cơ Điện Lạnh Hòa Việt	7.322.378.400	1.100.000.000
Romaco Pharmatechnik Gmbh	3.723.408.000	-
Cty TNHH TMXD Công Nghiệp Nhật Hoa	2.402.992.000	-
Công TY TNHH Greensol	1.592.629.500	71.049.000
Cty TNHH Cơ Điện APS	1.534.500.000	-
Cty TNHH MTV Thiên Long Điện	1.525.691.436	-
Volpak S.A. Unipersonal	-	1.589.200.000
Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Số 9	-	2.641.360.000
Phạm Hải Châu-Văn Thị Hòa	-	5.830.000.000
Khác	10.307.355.317	4.005.793.833
	<b>54.729.704.653</b>	<b>20.426.902.833</b>

**10. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Phải thu về thuế thu nhập cá nhân bên ngoài	247.066.310	247.066.310
Tạm ứng	11.479.901.549	9.942.863.898
Cầm cổ, ký quỹ, ký cược	567.789.401	1.194.410.381
Phải thu khác	21.332.173.921	7.197.159.255
	<b>33.626.931.181</b>	<b>18.581.499.844</b>

**11. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI**

	31/12/2015			31/12/2014		
	Giá gốc VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi được VND	Giá gốc VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi được VND
Bệnh Viện Đa Khoa Cái Nước	674.890.843	518.992.139	155.898.704	674.890.843	368.210.787	306.680.056
Quầy Dược Thuận Hòa	924.204.255	459.589.568	464.614.687	-	-	-
Bệnh Viện Quận Bình Tân	169.412.040	38.916.612	130.495.428	845.920.446	392.310.017	453.610.429
Bộ Y Tế (BQL thực hiện kế hoạch phòng chống dịch cúm A)	889.560.000	889.560.000	-	889.560.000	889.560.000	-
Công ty TNHH Dược Phẩm DTN	844.042.572	253.212.772	590.829.800	-	-	-
Quầy Thuốc Thiên Kim II	951.271.243	249.155.314	702.115.929	-	-	-
Quầy Thuốc 64	1.167.648.507	583.824.254	583.824.254	-	-	-
Trung Tâm Y Tế Khánh Sơn (Khánh Hòa)	1.765.547.419	1.061.198.523	704.348.895	1.858.952.347	767.727.034	1.091.225.314
Công Ty TNHH Trung Tâm Y Khoa Phước An	38.556.000	-	38.556.000	1.000.494.684	500.247.342	500.247.342
Các đối tượng khác	72.362.314.618	10.653.997.145	61.708.317.473	11.430.949.413	5.273.940.533	6.157.008.880
	<b>79.787.447.497</b>	<b>14.708.446.327</b>	<b>65.079.001.170</b>	<b>16.700.767.733</b>	<b>8.191.995.713</b>	<b>8.508.772.020</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM**Số 4, Đường 30/4, Thành phố Cao Lãnh  
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	4.713.418.995	-	15.851.974.998	-
Nguyên liệu, vật liệu	121.611.409.123	(691.735.723)	156.441.310.006	(1.031.954.152)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	15.759.932.962	-	16.914.315.650	-
Thành phẩm	99.261.151.085	-	98.737.308.857	-
Hàng hóa	3.628.676.362	-	7.653.989.632	-
Thiết bị phụ tùng thay thế	1.436.014.421	-	-	-
	<b>246.410.602.948</b>	<b>(691.735.723)</b>	<b>295.598.899.143</b>	<b>(1.031.954.152)</b>

Trong năm, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 340.218.429 đồng (năm 2014 trích thêm 716.276.618 đồng) cho những nguyên vật liệu quá hạn sử dụng không tiếp tục sản xuất nữa hoặc có kế hoạch sản xuất trong năm tiếp theo.

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
a. Chi phí trả trước ngắn hạn		
Tiền đồng phục	-	1.672.515.000
Chi phí quảng cáo	115.135.622	-
Tiền thuê nhà	72.000.000	72.600.000
Chi phí công cụ, dụng cụ	-	142.169.251
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	332.332.500	-
	<b>519.468.122</b>	<b>1.887.284.251</b>
b. Chi phí trả trước dài hạn		
Tiền thuê đất	13.005.710.469	13.321.861.347
Nội thất văn phòng	3.536.429.370	2.241.831.125
Cải tạo chi nhánh 2 TP. HCM	1.370.436.841	2.085.447.366
Phí bảo hiểm cháy nổ và các rủi ro tài sản	349.723.916	122.149.133
Dự án PMU3 nhà máy Bình Dương	1.605.094.150	-
Chi phí công cụ, dụng cụ	665.690.330	-
Tiền thuê nhà	192.000.000	-
	<b>20.725.085.076</b>	<b>17.771.288.971</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	155.142.147.789	171.611.050.760	53.364.635.434	6.902.765.389	387.020.599.372
Mua sắm mới	-	4.823.696.364	2.331.581.818	230.454.545	7.385.732.727
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	16.042.690.306	24.723.071.372	6.998.850.626	2.129.267.068	49.893.879.372
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.171.439.219)	-	(1.171.439.219)
Tại ngày 31/12/2015	<u>171.184.838.095</u>	<u>201.157.818.496</u>	<u>61.523.628.659</u>	<u>9.262.487.002</u>	<u>443.128.772.252</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	67.770.582.467	112.073.503.328	30.109.088.972	4.445.635.403	214.398.810.170
Trích khấu hao trong năm	10.050.876.048	18.460.225.659	8.244.066.948	986.929.631	37.742.098.286
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.053.573.560)	-	(1.053.573.560)
Tại ngày 31/12/2015	<u>77.821.458.515</u>	<u>130.533.728.987</u>	<u>37.299.582.360</u>	<u>5.432.565.034</u>	<u>251.087.334.896</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 31/12/2015	<u>93.363.379.580</u>	<u>70.624.089.509</u>	<u>24.224.046.299</u>	<u>3.829.921.968</u>	<u>192.041.437.356</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>87.371.565.322</u>	<u>59.537.547.432</u>	<u>23.255.546.462</u>	<u>2.457.129.986</u>	<u>172.621.789.202</u>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 110.734.209.529 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 89.216.117.721 đồng).

**15. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Bản quyền VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2015	67.178.995.237	744.712.823	12.285.898.076	80.209.606.136
Tăng trong năm	6.870.439.958	-	47.000.000	6.917.439.958
Tại ngày 31/12/2015	<u>74.049.435.195</u>	<u>744.712.823</u>	<u>12.332.898.076</u>	<u>87.127.046.094</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2015	3.435.464.465	744.712.823	7.037.349.143	11.217.526.431
Trích khấu hao trong năm	528.533.000	-	4.041.215.852	4.569.748.852
Tại ngày 31/12/2015	<u>3.963.997.465</u>	<u>744.712.823</u>	<u>11.078.564.995</u>	<u>15.787.275.283</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 31/12/2015	<u>70.085.437.730</u>	<u>-</u>	<u>1.254.333.081</u>	<u>71.339.770.811</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>63.743.530.772</u>	<u>-</u>	<u>5.248.548.933</u>	<u>68.992.079.705</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM**Số 4, Đường 30/4, Thành phố Cao Lãnh  
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2015 VND	Số phải thu/nộp trong năm VND	Số đã thực thu/nộp trong năm VND	31/12/2015 VND
<b>a. Các khoản phải thu</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	7.191.693	5.757.720.533	6.039.562.939	289.034.099
Thuế khác	85.394.087	665.892.107	1.095.713.520	515.215.500
	<b>92.585.780</b>	<b>6.423.612.640</b>	<b>7.135.276.459</b>	<b>804.249.599</b>
<b>b. Các khoản phải trả</b>				
Thuế giá trị gia tăng	1.538.847.534	26.598.484.020	22.456.648.067	5.680.683.487
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.950.733.552	25.769.011.171	26.090.729.363	6.629.015.360
Thuế thu nhập cá nhân	323.038.828	4.944.570.734	4.575.303.624	692.305.938
Thuế xuất nhập khẩu	-	6.344.760.273	6.344.760.273	-
Thuế khác	10.881.682	-	10.881.682	-
	<b>8.823.501.596</b>	<b>63.656.826.198</b>	<b>59.478.323.009</b>	<b>13.002.004.785</b>

**17. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Văn phòng chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu	731.272.727	731.272.727
Văn phòng chi nhánh Đồng Nai	-	700.000.000
Văn phòng chi nhánh Cần Thơ	1.563.795.454	1.563.795.454
Mua sắm tài sản cố định	5.951.535.000	1.402.927.272
Văn phòng chi nhánh Bình Định	102.374.545	-
Nhà máy sản xuất dược công nghệ cao Bình Dương	6.880.110.909	-
Khác	-	24.545.455
	<b>15.229.088.635</b>	<b>4.422.540.908</b>

**18. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Dược Phẩm Gia Đại	182.000.000	(182.000.000)	182.000.000	(182.000.000)
Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm	26.419.806.700	-	26.419.806.700	-
Công ty Cổ phần Dược Spharm	11.015.180.000	-	8.668.680.000	-
Công ty Cổ phần nghiên cứu bảo tồn và phát triển dược liệu Đồng Tháp Mười	2.340.000.000	-	2.340.000.000	-
	<b>39.956.986.700</b>	<b>(182.000.000)</b>	<b>37.610.486.700</b>	<b>(182.000.000)</b>

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty TNHH Dược Phẩm Gia Đại	Hồ Chí Minh	26,00%	26,00%	Sản xuất và bán buôn dược phẩm
Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm	An Giang	33,99%	33,99%	Sản xuất và bán buôn dược phẩm
Công ty Cổ phần Dược Spharm	Sóc Trăng	29,48%	29,48%	Sản xuất và bán buôn dược phẩm
Công ty Cổ phần Nghiên cứu Bảo tồn và Phát triển Dược liệu Đồng Tháp Mười	Đồng Tháp	20,00%	20,00%	Nghiên cứu bảo tồn và phát triển dược liệu



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM**

Số 4, Đường 30/4, Thành phố Cao Lãnh

Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**19. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Dược phẩm TW25	114.550.000	114.550.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm	581.428.000	581.428.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm TW Vidipha	503.000.000	476.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	127.690.000	127.690.000
Công ty Cổ phần Dược - Thiết Bị Y Tế Đà Nẵng	7.500.000.000	7.500.000.000
	<u><b>8.826.668.000</b></u>	<u><b>8.799.668.000</b></u>

Không có khoản dự phòng cần phải trích lập cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 31 tháng 12 năm 2014.

**20. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn		
<i>Novartis (Singapore) PTE</i>	18.954.189.210	63.784.377.291
<i>APC Pharmaceuticals Chemical Ltd</i>	9.686.884.500	4.235.400.000
<i>Phải trả cho các đối tượng khác</i>	26.797.565.168	43.824.023.484
	<u><b>55.438.638.878</b></u>	<u><b>111.843.800.775</b></u>
b) Phải trả người bán là các bên liên quan		
<i>Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm</i>	567.064.350	805.996.275
<i>Công ty Cổ phần Dược S.Pharm</i>	-	145.284.300
	<u><b>567.064.350</b></u>	<u><b>951.280.575</b></u>

Các khoản phải trả người bán ngắn hạn đều có khả năng trả nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 31 tháng 12 năm 2014.

**21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phí bản quyền	12.427.561.290	9.828.926.303
Chi phí bán hàng trích trước	26.200.101.455,00	30.198.041.275
Chi phí trích trước khác	3.195.625.825	6.028.273.790
	<u><b>41.823.288.570</b></u>	<u><b>46.055.241.368</b></u>

**22. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn là khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống mà Công ty chưa thực hiện tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**23. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản phải trả nhà nước	479.868.594	421.469.444
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	50.000.000	50.000.000
Phải trả khác	1.217.335.116	451.675.203
	<u><b>1.747.203.710</b></u>	<u><b>923.144.647</b></u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM**Số 4, Đường 30/4, Thành phố Cao Lãnh  
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***24. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số dư đầu năm	27.497.786.956	19.207.077.000
Tăng quỹ trong năm	13.000.000.000	12.200.000.000
Sử dụng quỹ trong năm	<u>(11.180.086.380)</u>	<u>(3.909.290.044)</u>
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>29.317.700.576</u></b>	<b><u>27.497.786.956</u></b>

**25. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Chi tiết về mệnh giá cổ phần và số cổ phần của Công ty như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	28.942.646	26.311.486
Số cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	28.942.646	26.311.486
Số cổ phiếu đang lưu hành	28.942.646	26,311,486
Mệnh giá cổ phiếu (VND)	<u>10.000</u>	<u>10.000</u>

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Vốn điều lệ thực tế do các cổ đông góp vốn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	Tại ngày 31/12/2015			Tại ngày 31/12/2014		
	Cổ phiếu	%	Vốn đã góp VND	Cổ phiếu	%	Vốn đã góp VND
Tổng Công ty Dược Việt Nam	6.874.447	23,75	68.744.470.000	6.874.447	26,13	68.744.470.000
Balestrand Limited	1.764.669	6,10	17.646.690.000	1.746.669	6,64	17.466.690.000
Franklin Templeton Investment -Templeton Frontier Markets Fund	2.456.820	8,49	24.568.200.000	2.456.820	9,34	24.568.200.000
Kwe Beteiligungen AG	2.117.000	7,31	21.170.000.000	2.317.503	8,81	23.175.030.000
Công ty cổ phần Dược phẩm Pha No	2.631.160	9,09	26.311.600.000	-	-	-
Cổ đông khác	13.098.550	45,26	130.985.500.000	12.916.047	49,09	129.160.470.000
	<b><u>28.942.646</u></b>	<b><u>100</u></b>	<b><u>289.426.460.000</u></b>	<b><u>26.311.486</u></b>	<b><u>100</u></b>	<b><u>263.114.860.000</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM**Số 4, Đường 30/4, Thành phố Cao Lãnh  
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**MẪU SỐ B 09-DN****Chi tiết thay đổi về vốn chủ sở hữu trong năm như sau:**

	Vốn góp của chủ sở hữu <u>VND</u>	Thặng dư vốn cổ phần <u>VND</u>	Vốn khác của chủ sở hữu <u>VND</u>	Cổ phiếu quỹ <u>VND</u>	Quỹ đầu tư phát triển (Trình bày lại) <u>VND</u>	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
Tại ngày 01/01/2014	167.058.100.000	315.192.059.609	2.420.789.142	(11.838.266.000)	213.302.305.300	39.718.409.442	725.853.397.493
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	4.787.734.000	-	11.838.266.000	-	-	16.626.000.000
Phát hành cổ phiếu thường	83.527.760.000	(83.527.760.000)	-	-	-	-	-
Phát hành cổ phiếu ESOP	12.529.000.000	2.505.800.000	-	-	-	-	15.034.800.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	85.778.677.106	85.778.677.106
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(24.608.187.000)	(24.608.187.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	10.066.061.526	(20.553.452.248)	(10.487.390.722)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	(11.454.602.438)	-	(11.454.602.438)
Thưởng cho Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	(106.242.194)	(106.242.194)
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>263.114.860.000</b>	<b>238.957.833.609</b>	<b>2.420.789.142</b>	<b>-</b>	<b>211.913.764.388</b>	<b>80.229.205.106</b>	<b>796.636.452.245</b>
Phát hành cổ phiếu	26.311.600.000	58.775.885.440	-	-	-	-	85.087.485.440
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	92.909.516.441	92.909.516.441
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(52.096.762.800)	(52.096.762.800)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	19.839.575.511	(34.685.350.209)	(14.845.774.698)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	(3.523.432)	-	(3.523.432)
Thưởng cho Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	(856.384.980)	(856.384.980)
Cổ tức của cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	450.528.000	(450.528.000)	-
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>289.426.460.000</b>	<b>297.733.719.049</b>	<b>2.420.789.142</b>	<b>-</b>	<b>232.200.344.467</b>	<b>85.049.695.558</b>	<b>906.831.008.216</b>

Theo Nghị quyết số 15/NQ-IMEX ngày 19 tháng 4 năm 2014 của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm, các Cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc phát hành thêm 2.631.160 cổ phần cho cổ đông chiến lược. Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt việc phát hành thêm 2.631.160 cổ phần (trương đương với 10% cổ phiếu đang lưu hành) với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần để tăng vốn điều lệ cho cổ đông chiến lược của Công ty với giá phát hành dự kiến là giá bình quân của 10 phiên giao dịch trên thị trường niêm yết (trước ngày bán cổ phiếu riêng lẻ) chiết khấu giảm trừ tối đa không quá 20% giá bình quân nêu trên và giá không được thấp hơn 30.000 đồng/cổ phần và Công ty đã được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước bằng công văn số 7281/UBCK-QLPH vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Công ty đã hoàn tất phát hành 2.631.160 cổ phần theo Công văn số 04/IMEX Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu cho cổ đông chiến lược vào ngày 06 tháng 01 năm 2015 cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Số lượng cổ phiếu này đã được niêm yết bổ sung theo như Quyết định số 26/QĐ-SGDHCM vào ngày 27 tháng 01 năm 2015 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.





**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM**Số 4, Đường 30/4, Thành phố Cao Lãnh  
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Theo Nghị quyết số 25/NQ-IMEX của Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2015, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận của Công ty từ lợi nhuận sau thuế của năm 2014, cụ thể:

- a) Trích lập Quỹ khen thưởng và phúc lợi là 12.845.774.698 đồng (tạm trích trong năm 2014 là 6.000.000.000 đồng và trích lập thêm trong năm 2015 là 6.845.774.698 đồng).
- b) Trích lập Quỹ đầu tư phát triển là 19.839.575.511 đồng.
- c) Thù lao Hội đồng Quản trị và thù lao Ban Kiểm soát do hoàn thành kế hoạch lợi nhuận theo khoản 11 điều 25 Điều lệ Công ty là 856.384.980 đồng.
- d) Chia cổ tức bằng tiền mặt với số tiền là 52.096.762.800 đồng.

Trong năm, các quỹ và thù lao Hội đồng Quản trị đã được trích lập đầy đủ cũng như cổ tức bằng tiền mặt đã được chi trả cho các Cổ đông theo như Nghị quyết nêu trên của Đại hội đồng Cổ đông Công ty.

Ngoài ra, căn cứ vào kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2015, Công ty đã tạm trích lập Quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm 2015 là với số tiền là 8.000.000.000 đồng.

**26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngoại tệ các loại:

	31/12/2015	31/12/2014
Đô la Mỹ (USD)	2.026,96	158.811
Euro (EUR)	483,53	-

Nợ khó đòi đã xử lý:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý	7.699.465.202	7.570.450.028

**27. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và mua bán nguyên vật liệu dùng để chế biến dược phẩm và các loại dược phẩm do Công ty sản xuất ra. Hoạt động sản xuất kinh doanh khác của Công ty chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty trong năm cũng như các năm tài chính trước, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các năm tài chính trước đều liên quan đến hoạt động kinh doanh chính. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Doanh thu của Công ty có được là do xuất bán hàng hóa trong nội địa trong khi tỷ lệ doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ lệ rất thấp trong tổng doanh thu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015 và các năm tài chính trước. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM**Số 4, Đường 30/4, Thành phố Cao Lãnh  
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***28. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Doanh thu bán hàng</b>		
Doanh thu hàng xuất khẩu	3.706.760.020	11.678.164.159
Doanh thu hàng sản xuất	829.352.962.453	747.432.589.237
Doanh thu hàng nhượng quyền	148.263.699.610	110.946.042.974
Doanh thu hàng ngoại nhập	-	-
Doanh thu hàng mua bán khác	31.409.040.402	37.281.501.872
	<u>1.012.732.462.485</u>	<u>907.338.298.242</u>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Hàng bán trả lại	(7.147.905.279)	(1.704.785.835)
Chiết khấu thương mại	(41.265.712.690)	(8.497.791.254)
	<u>(48.413.617.969)</u>	<u>(10.202.577.089)</u>
	<u><b>964.318.844.516</b></u>	<u><b>897.135.721.153</b></u>

**29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn hàng xuất khẩu	1.792.135.320	8.331.220.556
Giá vốn hàng sản xuất	377.756.834.131	352.892.561.033
Giá vốn hàng nhượng quyền	105.954.897.978	83.002.531.466
Giá vốn hàng mua bán khác	27.938.784.935	34.042.274.447
Giá vốn hàng dùng khuyến mãi	67.616.492.133	-
	<u><b>581.059.144.497</b></u>	<u><b>478.268.587.502</b></u>

**30. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	529.327.178.927	376.783.895.538
Chi phí nhân công	152.473.740.018	146.886.197.887
Chi phí khấu hao tài sản cố định	38.402.557.093	37.443.719.332
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.801.227.737	76.790.909.410
Chi phí khác	149.047.807.699	137.166.956.066
	<u><b>910.052.511.474</b></u>	<u><b>775.071.678.233</b></u>

**31. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	9.008.477.569	6.495.439.158
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.963.961.838	1.649.390.956
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	255.283.736	140.179.117
Cổ tức được chia	4.609.647.400	1.268.617.600
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	7.300.000
	<u><b>17.837.370.543</b></u>	<u><b>9.560.926.831</b></u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM**

Số 4, Đường 30/4, Thành phố Cao Lãnh

Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***32. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí lãi vay	605.820.692	-
Chi phí lãi cho khoản ứng trước từ khách hàng	102.235.002	389.764.998
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.749.985.083	533.648.342
Hoàn nhập giảm giá đầu tư tài chính	(266.394.240)	(457.205.760)
Chiết khấu thanh toán	10.984.402.934	7.697.613.899
Chi phí khác	54.677.658	93.252.000
	<u><b>15.230.727.129</b></u>	<u><b>8.257.073.479</b></u>

**33. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
<i>Chi phí nhân viên quản lý</i>	15.733.053.106	14.367.838.766
<i>Chi phí khấu hao</i>	5.120.187.990	8.744.152.864
<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>	10.396.761.059	6.617.158.098
<i>Trích quỹ Khoa học Công nghệ</i>	13.000.000.000	12.200.000.000
<i>Chi phí bằng tiền khác</i>	10.997.105.824	3.988.164.164
<i>Các chi phí khác</i>	17.541.716.709	18.722.726.291
	<u><b>72.788.824.688</b></u>	<u><b>64.640.040.183</b></u>
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
<i>Chi phí nhân viên bán hàng</i>	68.427.390.992	61.431.239.000
<i>Chi phí khuyến mãi bằng hiện vật</i>	-	41.440.118.368
<i>Chi phí nghiên cứu phát triển thị trường</i>	32.086.291.067	40.752.752.316
<i>Các chi phí khác</i>	92.635.820.691	100.738.940.864
	<u><b>193.149.502.750</b></u>	<u><b>244.363.050.548</b></u>

**34. THU NHẬP KHÁC**

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu từ thanh lý tài sản cố định	466.679.796	204.236.364
Khác	466.150.551	604.484.510
	<u><b>932.830.347</b></u>	<u><b>808.720.874</b></u>

**35. CHI PHÍ KHÁC**

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí thuê ngoài	1.523.776.883	1.353.372.452
Khác	658.541.847	341.270.603
	<u><b>2.182.318.730</b></u>	<u><b>1.694.643.055</b></u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**36. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2015	2014
	VND	VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	25.769.011.171	24.503.296.985
	<b><u>25.769.011.171</u></b>	<b><u>24.503.296.985</u></b>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	2015	2014
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước khi trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ	131.678.527.612	122.481.974.091
Trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ	13.000.000.000	12.200.000.000
Lợi nhuận kế toán trước thuế	118.678.527.612	110.281.974.091
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	3.062.988.749	2.429.622.890
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(4.609.647.400)	(1.332.974.324)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b><u>117.131.868.961</u></b>	<b><u>111.378.622.657</u></b>
Thuế suất	22%	22%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b><u>25.769.011.171</u></b>	<b><u>24.503.296.985</u></b>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% (Năm 2014: 22%) trên thu nhập chịu thuế.

Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả hay tài sản thuế thu nhập hoãn lại vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

**37. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được tạm tính trong năm trên cơ sở các số liệu sau:

	2015	2014
	VND	VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Công ty	92.909.516.441	85.778.677.106
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm	(13.936.427.466)	(12.845.774.698)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	78.973.088.975	72.932.902.408
Số cổ phần phổ thông bình quân gia quyền	28.942.646	25.074.336
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>2.729</u></b>	<b><u>2.909</u></b>

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2015 được tính trên cơ sở của lợi nhuận sau thuế của năm 2015 và số liệu ước tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ tương tự như của năm 2014 là 15%.

**38. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	500.380.455	562.571.626





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	387.300.000	150.000.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	155.000.000	270.000.000
Sau năm năm	5.000.000	2.500.000
	<b><u>547.300.000</u></b>	<b><u>422.500.000</u></b>

Chi phí thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền mà Công ty phải trả cho việc thuê mặt bằng kinh doanh hiệu thuốc của một số chi nhánh trên cả nước.

**39. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	87.841.659.460	178.550.050.326
Đầu tư tài chính ngắn hạn	103.568.325.260	3.283.181.020
Phải thu khách hàng và phải thu khác	236.408.035.188	207.991.304.334
Đầu tư tài chính dài hạn	48.601.654.700	46.228.154.700
	<b><u>476.419.674.608</u></b>	<b><u>436.052.690.380</u></b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	57.752.906.938	113.718.225.997
Chi phí phải trả ngắn hạn	41.823.288.570	46.055.241.368
	<b><u>99.576.195.508</u></b>	<b><u>159.773.467.365</u></b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá các chi phí bỏ ra để thực hiện các biện pháp phòng ngừa có thể cao hơn mức chi phí tiềm tàng do thay đổi tỷ giá và giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	45.610.132	9.581.205.757	36.936.157.481	87.559.798.877
Euro (EUR)	11.832.463	-	1.194.620.000	1.682.003.405

**Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ**

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Phân tích sau đây thể hiện độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá Việt Nam đồng tăng/giảm 3% (Năm 2014: 5%) so với Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 3% Năm (2014: 5%) được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 3% (Năm 2014: 5%) thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 3% (Năm 2014: 5%) thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng là 1.106.716.420 đồng (2014: 3.898.929.656 đồng).

**Quản lý rủi ro về giá hàng hóa**

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

**Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu**

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn các khách hàng khác nhau chứ không tập trung vào một số khách hàng chính và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	87.841.659.460	-	87.841.659.460
Đầu tư tài chính ngắn hạn	103.568.325.260	-	103.568.325.260
Phải thu khách hàng và phải thu khác	236.331.790.448	76.244.740	236.408.035.188
Đầu tư tài chính dài hạn	-	48.601.654.700	48.601.654.700
	<b>427.741.775.168</b>	<b>48.677.899.440</b>	<b>476.419.674.608</b>
	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	57.625.906.938	127.000.000	57.752.906.938
Chi phí phải trả	41.823.288.570	-	41.823.288.570
	<b>99.449.195.508</b>	<b>127.000.000</b>	<b>99.576.195.508</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>328.292.579.660</b>	<b>48.550.899.440</b>	<b>376.843.479.100</b>

2-C.T.1  
H  
Y  
UHAN  
TE  
M  
CHÍ MINH



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM**Số 4, Đường 30/4, Thành phố Cao Lãnh  
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	178.550.050.326	-	178.550.050.326
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.283.181.020	-	3.283.181.020
Phải thu khách hàng và phải thu khác	207.771.005.594	220.298.740	207.991.304.334
Đầu tư tài chính dài hạn	-	46.228.154.700	46.228.154.700
	<b>389.604.236.940</b>	<b>46.448.453.440</b>	<b>436.052.690.380</b>

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	108.641.225.997	5.077.000.000	113.718.225.997
Chi phí phải trả	46.055.241.368	-	46.055.241.368
	<b>154.696.467.365</b>	<b>5.077.000.000</b>	<b>159.773.467.365</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>234.907.769.575</b>	<b>41.371.453.440</b>	<b>276.279.223.015</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**40. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan:**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Dược phẩm Gia Đại	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dược Spharm	Công ty liên kết

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
<b>Phải thu</b>		
Công ty TNHH Dược phẩm Gia Đại	-	16.995.023
Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm	10.905.006.141	21.488.191.822
Công ty Cổ phần Dược Spharm	1.884.767.829	1.071.068.211
<b>Phải trả</b>		
Công ty Cổ phần Dược Spharm	-	145.284.300
Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm	567.064.350	805.996.275



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM**Số 4, Đường 30/4, Thành phố Cao Lãnh  
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Giao dịch trong năm chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Bán hàng</b>		
Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm	9.594.451.369	34.810.862.998
Công ty Cổ phần Dược Spharm	<u>826.506.380</u>	<u>3.701.879.419</u>
<b>Mua hàng</b>		
Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm	2.299.631.481	15.080.185.260
Công ty Cổ phần Dược Spharm	<u>669.154.500</u>	<u>928.447.380</u>

**Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lương, các khoản thưởng và phúc lợi khác	<u>11.071.662.450</u>	<u>10.324.923.050</u>

**41. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ****Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác trong năm không bao gồm 3.986.055.066 đồng (năm 2014: 385.786.965 đồng) là giá trị tài sản mua sắm trong năm nhưng chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.





**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM**

Số 4, Đường 30/4, Thành phố Cao Lãnh  
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**42. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Một số số liệu của năm tài chính trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

Đơn vị: VND

Theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC			Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC			Thay đổi
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>						
<b>Tên chỉ tiêu</b>	<b>Mã số</b>	<b>31/12/2014</b>	<b>Tên chỉ tiêu</b>	<b>Mã số</b>	<b>31/12/2014</b>	
<b>I. Tài sản</b>						
1. Các khoản phải thu khác	135	7.444.225.565	1. Phải thu ngắn hạn khác	136	18.581.499.844	Phân loại lại và đổi tên
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	11.137.274.279	2. Tài sản ngắn hạn khác	155	-	Phân loại lại
3. Phải thu dài hạn khác	216	-	3. Phải thu dài hạn khác	216	220.298.740	Phân loại lại
4. Tài sản dài hạn khác	268	220.298.740	4. Tài sản dài hạn khác	268	-	Phân loại lại
5. Đầu tư dài hạn khác	258	8.799.668.000	5. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	8.799.668.000	Đổi tên
6. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	(182.000.000)	6. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	(182.000.000)	Đổi tên
<b>II. Nguồn vốn</b>						
1. Phải trả người bán	312	112.795.081.350	1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	112.795.081.350	Đổi tên
2. Người mua trả tiền trước	313	760.122.040	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	760.122.040	Đổi tên
3. Chi phí phải trả	316	46.055.241.368	3. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	46.055.241.368	Đổi tên
4. Doanh thu chưa thực hiện	338	-	4. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	-	Đổi tên
5. Quỹ đầu tư phát triển	417	206.362.374.388	5. Quỹ đầu tư phát triển	418	211.913.764.388	Phân loại lại
6. Vốn cổ phần	411	263.114.860.000	6. Vốn góp của chủ sở hữu	411	263.114.860.000	Đổi tên
<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>			<i>- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>	<i>263.114.860.000</i>	Phân loại lại
7. Quỹ dự phòng tài chính	418	5.551.390.000	<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>			Phân loại lại

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Tên chỉ tiêu	Mã số	2014	Tên chỉ tiêu	Mã số	2014	Thay đổi
1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	3.421	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.909	Phân loại lại

Dương Hoàng Vũ  
Người lập biểu



Trần Hoài Hạnh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Định  
Phó Tổng Giám đốc  
Ngày 28 tháng 3 năm 2016